

Bản án số: 41/2019/HSST.

Ngày: 17/4/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Oanh;
2. Ông Nguyễn Danh Lợi;
3. Ông Lê Quang Vinh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Ông Dương Đức Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là TAND) tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 26/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Trình Ngọc T, sinh ngày 08/7/1990; giới tính: Nam; ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 3, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trình Thanh N và bà Nguyễn Thị H; vợ là: Hoàng Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 17/01/2018 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư Lê Thị Hoa - Văn phòng Luật sư Việt Hoa - Đoàn Luật sư Thanh Hóa (có mặt).

2. Cao Sỹ C, sinh năm 1977; giới tính: Nam; ĐKKHKT và chỗ ở: SN 99/141 Trích S, phường B, Quận T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Cao Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ là: Bùi Văn A và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2018 đến ngày 05/4/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/10/1990; giới tính: Nam; ĐKHKT và chỗ ở: Tổ 30 phường T, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa : Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn L và bà Trần thị H; vợ là: Nguyễn Diệp A và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2018 đến ngày 14/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

****Những người bị hại:***

1. Ông Nguyễn Mạnh N, SN 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Lý Nhân Tông, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa;

2. Bà Nguyễn Thị B, SN 1954 (có mặt);

Địa chỉ: xã Quỳnh Lộc, Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;

3. Bà Lê Thị P, SN 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

4. Anh Trần Văn G và vợ là Nguyễn Thị O (có mặt);

Địa chỉ: xã Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa;

5. Chị Lê Thị Hoàn, SN 1983(vắng mặt);

Địa chỉ: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

6.Bà Phạm Thị P, SN 1963 (có mặt);

Địa chỉ: xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

7. Bà Nguyễn Thị C, SN 1965 (có mặt);

Địa chỉ: , Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;

8. Bà Nguyễn Thị Q, SN 1961 (có mặt);

Địa chỉ: xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;

9. Bà Bùi Thị N, SN 1966 (có mặt);

Địa chỉ: phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa;

10.Chị Nguyễn Thị H, SN 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa;

11.Chị Trần Thị H, SN 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

12.Chị Trần Thị V, SN 1985 (có mặt);

HKTT: xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

13.Chị Mai Thị O, SN1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

14. Bà Lê Thị Trọng, SN 1949 (có mặt);

Địa chỉ: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

15. Bà Lê Thị T, SN 1946 (có mặt);

Địa chỉ: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

16. Ông Phạm Xuân C, SN 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

17. Anh Lê Xuân B, SN 1987 (có mặt);

Địa chỉ: thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

18. Chị Nguyễn Thị O, SN1990 (có mặt);

HKTT: xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

19. Ông Trần Sỹ S, SN1955 (có mặt);

Địa chỉ: huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

20. Bà Trần Thị T, SN1969 (có mặt);

Địa chỉ: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

21. Bà Lê Thị L, SN1952 (có mặt);

Địa chỉ: phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

22. Bà Nguyễn Thị Lan, SN1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

23. Bà Lê Thị Lợi, SN1950 (có mặt);

Địa chỉ: Xã Đồng Tiến, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Trần Bá Thìn, 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Dương Quảng Hàm, phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh;

2. Trần Văn Thường, 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ngõ 629 Kim Mã, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Anh Nguyễn Khắc K, 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

4. Anh Trần Văn D, 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị Hoàng Thị T, 1989 (có mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

7. Chị Nguyễn Thị Y, 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa.

8. Nguyễn Phi S, 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Mặt bằng 530, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng cuối năm 2016, Cao Sỹ C, SN 1977 ở SN 99/141 Trích Sài, phường Bưởi, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, do có thời gian làm đa cấp và nghiên cứu mô hình ủy thác đầu tư của nước ngoài, C nảy sinh ý định lập trang Web giả danh là trang Web của công ty nước ngoài, sau đó kêu gọi đầu tư rồi dùng một phần tiền của chính các nhà đầu tư trả lãi cho họ để họ tin tưởng là hoạt động đầu tư có lãi, phần còn lại sẽ chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài. Trước đó trong thời gian làm đa cấp, C có quen biết Trình Ngọc T, SN 1990 ở xóm 3, xã H, huyện Hà Trung, Thanh Hóa, biết T là người có khả năng thuyết trình và phát triển thị trường tốt nên C rủ T tham gia.

Khoảng đầu tháng 9/2016, C vào thành phố Thanh Hóa trao đổi với Trình Ngọc T về ý định lập ra Website giả danh với mục đích như đã nêu trên, T đồng ý tham gia. C và T bàn nhau cần một người giỏi về công nghệ tham gia làm cùng để lập và quản lý Web vì C, T không giỏi về công nghệ. Do trong thời gian làm đa cấp, C có quen biết Nguyễn Minh H, SN 1990 ở Tô 30, phường T, thành phố Yên Bái, H hiện đang làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, C và T thống nhất rủ H tham gia. Sau đó C gọi điện trao đổi với H về việc cần kết nối để làm ăn, C đặt vé máy bay cho H bay về Hà Nội để bàn bạc cụ thể.

Khoảng một tuần sau, H về Hà Nội, C gọi cho T ở Thanh Hóa ra để bàn bạc. Tại một quán cà phê ở Hà Nội C, T và H trao đổi với nhau về việc sẽ lập trang Web giả danh là trang Web của công ty nước ngoài, sau đó đưa ra thông tin gian dối về việc công ty đó đầu tư ở Việt Nam sinh lợi nhuận cao để kêu gọi đầu tư, rồi dùng chính một phần tiền của các nhà đầu tư trả cho nhà đầu tư, để tin tưởng là hoạt động đầu tư sinh lời là thật, số tiền còn lại sẽ chiếm đoạt và ăn chia.

Sau khi thống nhất, C, T, H lập nhóm Zalo để trao đổi. Quá trình bàn bạc trên Zalo, H đưa ra ý tưởng sẽ lấy tên trang Web là AIGBTBOSS.US, H nói lí do đặt tên Web như vậy để giống với trang Web của tập đoàn bảo hiểm AIG ở Mỹ, H nói sẽ đưa ra thông tin gian dối là Tập đoàn bảo hiểm AIG ở Mỹ đang đầu tư về các dự án bất động sản ở Việt Nam sẽ mang lại lợi nhuận cao, nếu đầu tư vào sẽ sinh lợi nhuận lớn. Sau đó H liên hệ với anh Trần Bá Thìn, SN 1988, là Giám đốc Công ty TNHH CENVISCO chuyên thiết kế phần mềm, địa chỉ: Số 50/15/23 Dương Quảng Hàm,

phường 5, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. H hợp đồng với Thìn thiết kế trang Web có tên AIGBTBOSS.US, nội dung của trang Web là hiển thị thông tin cá nhân của các nhà đầu tư, các gói đầu tư, thiết lập thuật toán phân chia lợi nhuận theo mô hình ủy thác đầu tư, đồng thời giao diện của Web thiết kế tương tự với trang Web chính thống của tập đoàn bảo hiểm AIG ở Mỹ, chi phí lập Web hết khoảng 45 đến 50.000.000đ. H báo lại với C và T chi phí lập Web hết khoảng 50 triệu, mỗi người chịu một phần. Ngày 05/10/2016, T chuyển vào Số tài khoản 0441000721976 của H tại Ngân hàng Vietcombank 25.000.000đ để H lấy chi phí lập Web. Ngày 07/10/2016, C chuyển vào tài khoản của H ở Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là NHĐTPT), số tài khoản: 22210000522671, số tiền 25.000.000đ, còn H có công lập Web nên không phải đóng tiền. Sau khi lập được Web, H thông báo tên Web, cấp cho C, T mỗi người một tài khoản và chỉ cho C, T cách truy cập. Sau đó H trực tiếp tạo lập các video, hình ảnh về các dự án bất động sản giả và hình ảnh về tập đoàn bảo hiểm AIG để T, C sử dụng đi tuyên truyền kêu gọi đầu tư.

Khoảng giữa tháng 10/2016, T và C dùng video, hình ảnh về các dự án giả mà H tạo lập để giới thiệu cho anh Nguyễn Mạnh N, SN 1963 ở phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa là người quen của T và C khi còn làm đa cấp tại công ty Thăng Long (Hà Nội). C và T nói với anh Ngọc là tập đoàn bảo hiểm AIG ở Mỹ đang đầu tư vào các dự án bất động sản ở Việt Nam mang lại lợi nhuận cao, nếu tham gia đầu tư sẽ mang lại lợi nhuận lên đến 230%/01 năm, được hưởng làm 3 kỳ: 04 tháng đầu hưởng 20%, 4 tháng tiếp theo hưởng 30% và 4 tháng cuối hưởng 50%, ngoài ra có các chương trình khuyến mãi, tri ân các nhà đầu tư trong năm. Có các gói đầu tư từ 1000USD đến tối đa là 30.000USD, mỗi USD trị giá 26.000 VNĐ. Do thấy lợi nhuận cao và tin tưởng T, C nên anh Ngọc đã tham gia đầu tư gói 10.000USD, T chỉ tính với anh Ngọc mỗi USD trị giá là 23.000VNĐ. Anh Ngọc chưa đủ tiền đưa trước cho T một nửa, tức 115.000.000đ, còn lại đưa sau. T thông báo trên Zalo để C, H biết về việc anh Ngọc tham gia gói 10.000USD nH mới đưa trước một nửa, T vẫn kích hoạt gói 10.000USD cho anh Ngọc và C, H đồng ý. T nhận 115.000.000đ và tạo lập cho anh Ngọc một tài khoản trên Web hiển thị tên tuổi, địa chỉ và gói đầu tư của anh Ngọc.

Số tiền của anh Ngọc, T dùng một phần trả lại cho anh Ngọc thông qua tài khoản Ngân hàng Vietcombank để anh Ngọc tin hoạt động đầu tư là có lãi thật, đưa cho C mỗi lần 3 - 5.000.000đ, tổng khoảng 20.000.000đ, số còn lại T sử dụng ăn uống, chi tiêu trong quá trình tuyên truyền, kêu gọi đầu tư.

Sau khi Website.aigbtboss.us hoạt động được một thời gian thì H yêu cầu C và T phải chuyển thêm tiền để nâng cấp Web. Ngày 27/10/2016, C tiếp tục chuyển vào tài khoản BIDV của H số tiền 5.000.000đ và ngày 02/11/2016, T chuyển vào tài khoản của H tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 2.000.000đ.

C và T tiếp tục kêu gọi đầu tư, khi chưa có nhà đầu tư mới thì H tiếp tục yêu cầu chuyển tiền để nâng cấp Web, nH T và C không có tiền chuyển, đồng thời phát sinh mâu

thuần về việc ăn chia nên C bảo H hủy Web không làm nữa, H báo cho Trần Bá Thìn hủy Web. Sau đó C và H không tham gia nữa.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 11/2016, do không có việc làm ổn định, cũng với ý đồ thủ đoạn như trên, Trình Ngọc T đã liên hệ với Trần Văn Thường, SN 1990 là Giám đốc Công ty TNHH phần mềm Tâm Phát, địa chỉ: 55/12 Ngõ 629 Kim Mã, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. T hợp đồng với Thường xây dựng cho T website có tên miền: Aigbtboss.net. Nội dung Web có hiển thị thông tin của nhà đầu tư gồm tên tuổi, địa chỉ gói đầu tư..., hiển thị các gói đầu tư từ 100USD đến 30.000USD, đồng thời thiết lập thuật toán phân chia lợi nhuận theo mô hình ủy thác đầu tư. Giao diện Web giống với trang chủ của tập đoàn bảo hiểm AIG của Mỹ. Hai bên thông nhất chi phí lập Web là 20.000.000đ. Ngày 08/11/2016, T chuyển cho Thường 5.000.000đ tiền đặt cọc làm Web, ngày 15/12/2016 tiếp tục chuyển 5.000.000đ, ngày 06/01/2017 chuyển 10.000.000đ, tổng là 20.000.000đ vào tài khoản: 0451000221885 của Thường, Thường bàn giao Web cho T. Ngoài ra, ngày 24/2/2017, T chuyển thêm 10.000.000đ vào tài khoản của Thường để tiếp tục nâng cấp Web.

Sau khi Web có thể hoạt động được, T bắt đầu kêu gọi đầu tư. Để tạo niềm tin cho mọi người T đã tạo một tài khoản trên trang Web: Aigbtboss.net cho anh Nguyễn Mạnh N, người đã đầu tư 115.000.000đ trước đó với số tiền đầu tư 10.000USD để anh Ngọc tin tưởng việc đầu tư có lãi là thật, T gửi từ tài khoản Vietcombank của T vào tài khoản Vietcombank của anh Ngọc nói đây là tiền lợi nhuận từ hoạt động đầu tư.

Tiếp đó thông qua anh Ngọc, T giới thiệu và lôi kéo anh Nguyễn Phi S, SN 1960, ở phường Đông Vệ, TP.Thanh Hóa tham gia đầu tư và anh Trần Văn D, SN 1989, ở thôn Minh Côi, xã Trường Minh, huyện Nông Cống là bạn của T. Sau khi lôi kéo được anh Ngọc, anh Sơn, anh Dũng tham gia, T đã lập ra Văn phòng Công ty AGR có địa chỉ tại 196A Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa do T là Chủ nhiệm Văn phòng, anh Ngọc, anh Sơn, anh Dũng được T sắp xếp là thành viên của Ban chủ nhiệm Văn phòng AGR tại Thanh Hóa. Khoảng tháng 4/2017, T đưa thêm chị Nguyễn Thị Y, SN 1979 ở phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa tham gia Ban chủ nhiệm.

Tại văn phòng AGR, T tổ chức các Hội thảo, chiếu các slide để tuyên truyền kêu gọi đầu tư, khi tổ chức Hội thảo thì T mời Ban chủ nhiệm cùng tham dự để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, sau khi kết thúc các buổi Hội thảo, Ban Chủ nhiệm cùng với vợ của T là Hoàng Thị T, SN 1989 ở xã H, huyện Hà Trung, Thanh Hóa tư vấn trực tiếp cho các nhà đầu tư theo chỉ đạo của T. Ban chủ nhiệm được T trích thêm phần trăm lợi nhuận ảo trong tài khoản T lập trên trang Web Aigbtboss.net mà mình tạo ra. Khi lôi kéo được nhà đầu tư mới tham gia thì đồng thời T cũng đưa ra thông tin nếu giới thiệu thêm được nhà đầu tư mới thì bản thân người giới thiệu sẽ được hưởng thêm 10% giá trị gói đầu tư.

Sau khi nhận được tiền đầu tư từ các bị hại, T lập cho mỗi người một tài khoản trên trang Aigbtboss.net để hiển thị gói đầu tư của bị hại. Sau đó yêu cầu các bị hại lập tài khoản tại ngân hàng Vietcombank để T dùng tiền từ tài khoản Vietcombank của mình chuyển về tài khoản của các bị hại, các lần chuyển tiền đều ghi nội dung là AGR chuyển tiền để các bị hại tin tưởng hoạt động đầu tư là thật và đang có lãi.

Với thủ đoạn như trên, từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2017 T đã chiếm đoạt của 23 người với tổng số tiền là 2.179.531.700đ, cụ thể như sau:

1.Ông Nguyễn Mạnh N, SN 1962, ở 384 Lý Nhân Tông, P.Đông Thọ, TP.Thanh Hóa đầu tư thêm 115.000.000đ, tổng 02 lần là 250.000.000đ, tổng số tiền ông Ngọc nhận về 165.000.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 85.000.000đ;

2.Bà Nguyễn Thị B, SN 1954 ở Xóm 4, xã Quỳnh Lộc, Hoàng Mai, Nghệ An đầu tư số tiền là 260.000.000đ, bà Băng đã nhận về 48.033.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 211.967.000đ;

3.Bà Lê Thị P, SN 1960, ở phố Lê Lợi, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc đầu tư số tiền 175.000.000đ, bà Phúc đã nhận về 63.861.000đ, số tiền bị chiếm đoạt 111.139.000đ;

4.Anh Trần Văn Giáp, SN 1974 và vợ là Nguyễn Thị O ở Thôn Phú Quý xã Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa đầu tư số tiền 676.000.000đ, số tiền vợ chồng đã nhận về là 182.028.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 493.972.000đ ;

5.Chị Lê Thị Hoàn, SN 1983 ở Thôn Dục Tú, xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa đầu tư 181.000.000đ, chị Hoàn nhận về 25.977.000đ, số tiền bị chiếm đoạt 155.023.000đ;

6.Bà Phạm Thị P, SN 1963, ở Thôn Thanh Sơn, xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa đầu tư 50.000.000đ, đã nhận về 29.342.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 20.658.000đ;

7.Bà Nguyễn Thị C, SN 1965, ở khối Bắc Mỹ, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An đầu tư số tiền 140.000.000đ, đã nhận về 4.442.300đ, số tiền bị chiếm đoạt là 135.557.700đ;

8.Bà Nguyễn Thị Q, SN 1961, ở Thôn Đồng Tiến, xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An số tiền đầu tư là 78.000.000đ, đã nhận về 39.262.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 38.374.000đ;

9.Bà Bùi Thị N, SN 1966, ở 12/2 Trịnh Ngọc Lữ, P.Lam Sơn, TP.Thanh Hóa, số tiền đầu tư là 150.000.000đ, số tiền bà Nguyệt nhận về là 18.291.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 131.709.000đ;

10.Chị Nguyễn Thị H, SN 1988, ở 10/4 Lê Thị Hoa, phường Lam Sơn, TP.Thanh Hóa số tiền đầu tư 50.000.000đ, đã nhận về là 18.551.000đ, số tiền bị chiếm đoạt 31.449.000đ;

11.Chị Trần Thị H, SN 1985, ở thôn Tân Cổ, xã Quảng Tân, Quảng Xương, Thanh Hóa số tiền đầu tư 50.000.000đ, đã nhận về 24.593.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 25.407.000đ;

12.Chị Trần Thị V, SN 1985, HKTT: Thôn Thanh Sơn, xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa đầu tư và bị chiếm đoạt 70.000.000đ;

13.Chị Mai Thị O, SN1971, ở Tổ 1, Phố 2, TT.Lang Chánh, huyện Lang Chánh, Thanh Hóa đầu tư số tiền 250.000.000đ, đã nhận về 12.758.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 237.242.000đ;

14.Bà Lê Thị Trọng, SN 1949, ở Thôn Nhân H, xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, số tiền đầu tư là 113.500.000đ, đã nhận về 35.986.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 75.914.000đ ;

15.Bà Lê Thị T, SN 1946, ở Thôn Nhân H, xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa số tiền đầu tư là 93.000.000đ, đã nhận về 31.509.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 61.491.000đ;

16.Ông Phạm Xuân C, SN 1950, ở Km1 bản Na Nghiu, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, Thanh Hóa tham gia đầu tư số tiền 72.000.000đ, đã nhận về 14.229.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 57.771.000đ;

17.Anh Lê Xuân B, SN 1987, ở Tiểu khu 12, TT.Vạn Hà, Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Số tiền đầu tư là 175 .000.000đ, đã nhận về 73.760.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 101.240.000đ;

18.Chị Nguyễn Thị O, SN1990, HKTT: Phố Châu Phương 3, Quảng Châu, Quảng Xương, Thanh Hóa đầu tư số tiền 78 triệu đồng, số tiền chị Oanh nhận về là 4.209.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 73.791.000đ;

19.Ông Trần Sỹ S, SN1955, ở thị trấn Quảng Xương, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa, số tiền đầu tư là 12.500.000đ, đã nhận về 2.934.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 9.566.000đ;

20.Bà Trần Thị T, SN1969, ở Xóm 6, Nga Thủy, Nga Sơn, Thanh Hóa, số tiền đầu tư là 50.000.000đ, đã nhận về 22.549.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 27.451.000đ;

21.Bà Lê Thị L, SN1952, ở Khu phố Thân Thiện, phường Trung Sơn, TP.Sầm Sơn số tiền đầu tư là 25.000.000đ, đã nhận về 20.013.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 4.987.000đ ;

22.Bà Nguyễn Thị Lan, SN1958, ở SN214, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa đầu tư 12.500.000đ, đã nhận về là 863.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 11.637.000đ;

23. Bà Lê Thị Lợi, SN1950, ở xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đầu tư số tiền 75.000.000đ, đã nhận về 66.814.000đ, số tiền bị chiếm đoạt là 8.186.000đ.

Khoảng tháng 7/2017, sau khi đã tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được và không còn khả năng tiếp tục chuyển tiền qua tài khoản cho các bị hại, T đã đưa ra thông tin là do hệ thống bên nước ngoài đang trục trặc nên chưa có tiền chuyển về, khi nào hệ thống phục hồi sẽ tiếp tục chuyển tiền cho các nhà đầu tư. Khi đưa ra thông tin bước đầu đã trấn an được các nhà đầu tư.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 8/2017, T gặp một người xưng tên là Đại tại Hà Nội, Đại chia sẻ về việc đang làm đại diện tại Việt Nam của chương trình Ipacebank do Ngân hàng nước ngoài đầu tư sinh lợi nhuận cao, T đã về chia sẻ với anh Giáp, chị Nguyệt, chị Phúc, anh Viên, sau đó mời Đại về trực tiếp chia sẻ với 04 người trên, sau khi nghe Đại và T chia sẻ mọi người tin tưởng và tiếp tục tham gia đầu tư và chuyển tiền cho T, sau đó T chuyển tiền cho Đại. Sau khi nhận được tiền từ T, Đại trả lãi bằng Bitcoin cho các bị hại vào các ví điện tử, sau đó các bị hại lại nhờ T chuyển Bitcoin ra VNĐ, cụ thể:

1. Bà Lê Thị P, SN 1960, ở Phố Lê Lợi, thị trấn Ngọc Lặc, Thanh Hóa đầu tư tổng số tiền là 280.000.000đ. Trong đó đưa tiền mặt cho T là 160.000.000đ để nhờ T mua Bitcoin chuyển cho Đại, còn 120.000.000đ theo yêu cầu của Đại chuyển vào tài khoản Agribank của Đồng Thị Quế Giang, số tài khoản: 5592205119983. Bà Phúc đã nhận lại được 224.987.000đ, còn 55.013.000đ chưa được trả;

2. Chị Bùi Thị N, SN 1966, ở 12/2 đường Trịnh Thị Ngọc Lữ, phường Lam Sơn, TP.Thanh Hóa đầu tư tổng số tiền 100.000.000đ đưa tiền mặt nhờ T mua Bitcoin chuyển cho Đại. Chị Nguyệt đã nhận về 44.850.000đ, còn 55.150.000đ chưa được trả;

3. Anh Trần Văn Giáp, SN 1974 vợ là Nguyễn Thị O ở Thôn Phú Quý, xã Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa đầu tư 718.150.000đ, đã nhận về 371.180.000đ, còn 460.820.000đ chưa được trả;

4. Anh Nguyễn Văn Viên, SN 1961, ở Thôn Chiến T, xã Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa đầu tư tổng số tiền 442.000.000đ, đã nhận về 180.000.000đ, còn 262.00.000đ chưa được trả.

Đến tháng 9/2018 không thấy Đại tiếp tục chuyển tiền, T cùng 04 bị hại trên đã tìm cách liên hệ với Đại NH không được, sau đó các bị hại đã đến cơ quan Điều tra tố cáo T vì cho rằng T là người trực tiếp nhận tiền nên phải chịu trách nhiệm. Tại Cơ quan Điều tra T khai do tin tưởng Đại có trương trình đầu tư thật nên mới giới thiệu cho 04 bị hại trên tham gia đầu tư để lấy lãi, bản thân T cũng tham gia đầu tư, T hoàn toàn không biết thủ đoạn gian dối của Đại nhằm chiếm đoạt tài sản. Hiện nay cơ quan điều tra đang tiến hành các biện pháp để làm rõ vai trò của Đại và T NH chưa có kết quả, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 24/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây gọi tắt là VKSND) tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

- Truy tố Trình Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999;

- Truy tố Cao Sỹ C và Nguyễn Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Áp dụng : điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Trình Ngọc T từ 09 đến 10 năm tù.

Áp dụng: điểm a, điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 cho C, xử phạt: Cao Sỹ C và Nguyễn Minh H mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc T, C, H liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh N số tiền 115.000.000đ, chia theo phần: T phải bồi thường 36% = 41.400.000đ; C 31% = 39.100.000đ; H 30% = 34.500.000đ.

Công nhận C, H đã bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh N xong.

Công nhận T đã bồi thường toàn bộ cho ông Nguyễn Mạnh N và 22 bị hại đã xong.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trình Ngọc T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đặc biệt bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ và được tất cả bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại, thắc mắc về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt 07 người bị hại gồm: Bà Lê Thị P, chị Lê Thị Hoàn, chị Trần Thị V, chị Trần Thị H, chị Trần Thị V, chị Mai Thị O, ông Phạm Xuân C, bà Nguyễn Thị Lan và vắng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trừ Hoàng Thị T). Những người vắng mặt đều đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, lời

khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa đều có giấy xác nhận đã thỏa thuận việc nhận tiền với gia đình bị cáo xong. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử và giành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng vắng mặt theo quy định.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ lời khai các bị cáo, lời khai bị hại, lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 10/2016, các bị cáo Trình Ngọc T, Cao Sỹ C và Nguyễn Minh H đã có hành vi cùng nhau bàn bạc dùng thủ đoạn lập ra trang Web có tên “Aigbtboss.us” giả danh trang Web của tập đoàn bảo hiểm AIG của Mỹ, đồng thời đưa ra các hình ảnh, thông tin gian dối về việc Tập đoàn này đang đầu tư vào các dự án bất động sản tại Việt Nam, nếu ai tham gia đầu tư sẽ có lợi nhuận cao đến 230% nhằm lôi kéo các nhà đầu tư. Sau khi nhận được tiền của nạn nhân, các bị cáo không đầu tư vào lĩnh vực nào mà dùng một phần tiền của chính nhà đầu tư trả cho họ, để nhà đầu tư tin là thật, phần còn lại sẽ chiếm đoạt chia nhau. Bằng thủ đoạn nêu trên, khoảng tháng 12/2016 T và C đã lôi kéo được ông Nguyễn Mạnh N tham gia đầu tư với số tiền 115.000.000đ. Để tạo niềm tin cho ông Ngọc, T đã chuyển trả lại cho ông Ngọc một phần qua tài khoản Ngân hàng và chuyển cho C 20.000.000đ, H 7.000.000đ, còn lại T chi phí cho việc đi lại, ăn uống, tổ chức hội thảo và sử dụng cá nhân. Đến tháng 7/2017, do không có tiền để nâng cấp trang Web, đồng thời không thống nhất về việc ăn chia nên C và H đã tự dừng lại không tham gia nữa và H đã hủy trang Web “Aigbtboss.us”.

Một mình Trình Văn T tiếp tục thuê người lập trang Web có tên “Aigbtboss.net” và vẫn với thủ đoạn nêu trên, kể từ tháng 1/2017 đến tháng 7/2017 T đã chiếm đoạt thêm của ông Nguyễn Mạnh N và 22 người khác với tổng số tiền là 2.064.531.700đ.

Do có hành vi nêu trên, bị cáo Trình Ngọc T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139; các bị cáo Cao Sỹ C và Nguyễn Minh H phải chịu trách nhiệm về cùng tội danh theo điểm a, điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, thủ đoạn phạm tội tinh vi, lợi dụng công nghệ máy tính và sự thiếu hiểu biết của một số người nhằm đánh vào tâm lý, lòng tham của họ ham đầu tư để thu lợi nhuận cao. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an chung cho xã hội, vì vậy cần phải bị xử phạt nghiêm minh.

[5] Về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[5.1] Ở vụ thứ nhất (bị hại là ông Nguyễn Mạnh N): Giữa các bị cáo có sự câu kết, phân công vai trò, số tiền chiếm đoạt của bị hại trên 50.000.000đ, do đó cả ba phải chịu tình tiết định khung “phạm tội có tổ chức” theo điểm a, điểm e, khoản 2 của điều luật là đúng. Trong đó C là người khởi xướng và kết nối giữa H và T; H trực tiếp thuê người thiết kế giả danh trang Web nước ngoài, đồng thời tạo lập các video, hình ảnh hoạt động giả của dự án. T và C trực tiếp lôi kéo ông Ngọc và sau khi lấy được tiền, T chủ động trong việc chi tiêu và sử dụng nhiều nhất. Như vậy trong vụ này T có vai trò cao nhất, đến C, đến H.

Khi quyết định hình phạt, các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tích cực khắc phục bồi thường và động viên gia đình bồi thường hết số tiền cho ông Ngọc và cả ba đều được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; T và C sau khi phạm tội ra đầu thú; C còn được Công an huyện Hoằng Hóa có Văn bản số 503/TB-CSĐT ngày 25/3/2019 đề nghị Tòa án xem xét về thành tích giúp Cơ quan điều tra phát hiện bắt đối tượng phạm tội lẩn trốn là Trương Xuân Linh và Nguyễn Ngọc Khánh để khởi tố; bị cáo T có bố đẻ là ông Trình Thanh Ninh tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế được hưởng trợ cấp; bị cáo H được Chính quyền địa phương xác nhận trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt pháp luật và đóng góp đầy đủ nghĩa vụ công dân tại nơi cư trú. Đây là các tình tiết chung cho các bị cáo theo điểm b, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, đối với C được áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Như vậy, tại khoản 1 Điều 46 C và H có 03 tình tiết giảm nhẹ chung là: thành khẩn; ăn năn; tích cực bồi thường khắc phục hậu quả; C có thêm tình tiết giúp cơ quan điều tra bắt giữ tội phạm. Tại khoản 2 Điều 46, C có tình tiết đầu thú; H được Chính quyền địa phương xác nhận tốt trong thời gian tại ngoại. Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt và hiện có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho Chính quyền địa phương giám sát, giáo dục. Như vậy cũng đủ điều kiện để các bị cáo tự cải tạo trở lại thành người tốt. Đối với bị cáo T cần phải đánh giá tổng hợp với vụ thứ hai để quyết định hình phạt chính xác.

[5.2] Ở vụ thứ hai: Trình Ngọc T vẫn với thủ đoạn sử dụng trang Web giả danh và đưa ra các thông tin gian dối về hoạt động đầu tư cũng như sinh lời của Công ty Bảo hiểm nước ngoài nhằm lôi kéo được nhiều người tham gia đầu tư. T còn sử dụng một số người thân quen lập Văn phòng đại diện của Công ty AGR tại Thanh Hóa, đưa họ vào Ban Chủ nhiệm nhằm tạo uy tín giúp T lôi kéo thêm những người khác và chiếm đoạt của các bị hại với số tiền hơn hai tỷ đồng. Bị cáo thực hiện hai vụ độc lập nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” (điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999). Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu đối với bị cáo là thành khẩn khai báo; đầu thú; trong giai đoạn điều tra và trước khi xét xử sơ thẩm, T đã nhờ gia đình nộp 02 lần với số tiền 300.000.000đ để khắc phục một phần cho các bị hại và cho đến tại phiên tòa hôm nay, tất cả các bị hại

đều trình bày hoặc có đơn xác nhận T và gia đình đã khắc phục bồi thường hết toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của Trình Ngọc T như đã nêu, cụ thể: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là “phạm tội nhiều lần”; có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 là: thành khẩn; ăn năn; tích cực khắc phục bồi thường và 03 tình tiết tại khoản 2 là: đầu thú; được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bố đẻ có tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Hội đồng xét xử sơ thẩm có căn cứ chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư và đề nghị của Kiểm sát viên, cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và sự độ lượng của những người bị hại mà yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội, như vậy cũng đủ sức răn đe giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[7.1] Đối với ông Nguyễn Mạnh N, ở vụ thứ nhất ông Ngọc bị chiếm đoạt 115.000.000đ, căn cứ vai trò của các bị cáo chia theo phần: T phải bồi thường 36% = 41.400.000đ; C 31% = 39.100.000đ; H 30% = 34.500.000đ. Giai đoạn điều tra, C đã khắc phục 10.000.000đ và ngày 25/3/2019 C trả thêm cho ông Ngọc 7.000.000đ, tổng 17.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, giữa ông Ngọc và C thống nhất đã giải quyết bồi thường xong, ông Ngọc không yêu C thêm. Nguyễn Minh H tại giai đoạn điều tra đã khắc phục 20.000.000đ và ngày 25/3/2015 trả thêm cho ông Ngọc 15.000.000đ, tổng 35.000.000đ, H cũng đã bồi thường xong. Trình Ngọc T phải chịu trách nhiệm theo phần với ông Ngọc là 41.400.000đ và toàn bộ số tiền ông Ngọc đầu tư lần hai 135.000.000đ, tổng cộng là 176.400.000đ, ông Ngọc đã nhận 165.000.000đ, như vậy T còn phải bồi thường tiếp cho ông Ngọc là 11.400.000đ. Tại phiên tòa, ông Ngọc xác nhận T và gia đình đã bồi thường xong không yêu cầu gì thêm.

[7.2] Đối với 22 bị hại còn lại khác, Trình Ngọc T phải chịu trách nhiệm toàn bộ số tiền còn lại như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu, phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị hại không có gì mâu thuẫn. Tại phiên tòa, những người có mặt hoặc vắng mặt đều có đơn xác nhận giữa các bị hại và gia đình T đã thỏa thuận giải quyết bồi thường xong toàn bộ phần dân sự và không yêu cầu gì thêm (đơn có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công an xã, phường nơi cư trú) nên có căn cứ chấp nhận. Riêng chỉ còn bà Nguyễn Thị Lan ở phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn vắng mặt và chưa có Giấy xác nhận về việc thỏa thuận đền bù. Cụ thể số tiền bà Lan đầu tư là 12.500.000đ, đã nhận về 863.000đ còn 11.637.000đ. Tại giai đoạn điều tra, gia đình T đã khắc phục cho bà Lan 5.000.000đ còn 6.640.000đ. Ngày 18/3/2019, gia đình T đã nộp lên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa số tiền 150.000.000đ, trong đó có đề nghị trả tiếp cho bà Lan 6.437.000đ. Như vậy bị cáo chỉ còn phải bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị Lan số tiền là 203.000đ.

[7.3] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C ở phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An có trình bày: Đối với số tiền 140.000.000đ bà đầu tư cho T đã

giải quyết xong không thắc mắc, ngoài ra còn 100.000.000đ bà cho bà Nguyễn Thị B vay, khi bà tham gia đầu tư giữa bà, bà Băng và T đã thỏa thuận chuyển số tiền trên thành tiền đầu tư của bà và T sẽ chịu trách nhiệm, tuy nhiên hiện nay bà chưa được trả lại nH trong Kết luận điều tra và Cáo trạng chưa làm rõ ai phải chịu trách nhiệm số tiền trên với bà. Xét thấy khoản tiền này do bà Châu cho bà Băng vay trước khi bà Châu tham gia đầu tư với T, tại phiên tòa T không thừa nhận trách nhiệm, về phía bà Băng cũng trình bày đây chỉ là tiền hơi, trên thực tế bà Châu không chuyển tiền cho T. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết trong vụ án này mà giành quyền cho bà Nguyễn Thị C được yêu cầu giải quyết với bà Nguyễn Thị B trong vụ án dân sự khác.

[8] Đối với số tiền gia đình bị cáo Trình Ngọc T đã nộp ngày 18/3/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, kèm theo danh sách đề nghị chi trả cụ thể cho từng bị hại, các bị hại sẽ được quyền liên hệ để tiếp tục nhận theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo Trình Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với số tiền còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Lan

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Tuyên bố: Các bị cáo: Trình Ngọc T, Cao Sỹ C, Nguyễn Minh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 4 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trình Ngọc T 09 (chín) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 17/01/2018.

Áp dụng: điểm a, điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Cao Sỹ C và Nguyễn Minh H; thêm điểm q khoản 1 Điều 46 đối với Cao Sỹ C.

Xử phạt: Bị cáo Cao Sỹ C 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án; bị cáo Nguyễn Minh H 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Cao Sỹ C cho UBND phường Bưởi, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; giao bị cáo Nguyễn Minh H cho UBND phường T, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái quản lý, giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

-Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Công nhận các bị cáo Trình Ngọc T, Cao Sỹ C, Nguyễn Minh H đã liên đới bồi thường xong cho ông Nguyễn Mạnh N số tiền 115.000.000đ;

+ Công nhận giữa bị cáo Trình Ngọc T, ông Nguyễn Mạnh N và các bị hại đã thỏa thuận giải quyết xong phân trách nhiệm bồi thường dân sự.

+ Các bị hại được quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để tiếp tục nhận số tiền do gia đình bị cáo Trình Ngọc T đã nộp 150.000.000đ theo Phiếu thu tiền số AA/2016/0001625 ngày 18/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa kèm theo danh sách cụ thể bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh N; bà Nguyễn Thị B; bà Lê Thị P; anh Trần Văn Giáp và vợ Nguyễn Thị O; chị Lê Thị Hoàn; bà Phạm Thị P; bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Q; bà Bùi Thị N; bà Nguyễn Thị H; chị Trần Thị H; chị Trần Thị V; chị Mai Thị O; ông Phạm Xuân C; anh Lê Xuân B; bà Nguyễn Thị O; ông Trần Sỹ S; bà Trần Thị T; bà Nguyễn Thị Lan mỗi người được nhận số tiền là 6.437.000đ (*sáu triệu bốn trăm ba bảy ngàn đồng*);

Bà Lê Thị Trọng được nhận số tiền là 8.087.000đ (*tám triệu không trăm tám bảy ngàn đồng*);

Bà Lê Thị T được nhận số tiền là 8.437.000đ (*tám triệu bốn trăm ba bảy ngàn đồng*);

Bà Lê Thị L được nhận số tiền là 2.987.000đ (*Hai triệu chín trăm tám bảy ngàn đồng*);

Bà Lê Thị Lợi được nhận số tiền là 8.186.000đ (*tám triệu một trăm tám sáu ngàn đồng*).

+ Buộc bị cáo Trình Ngọc T phải bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị Lan (Bỉm Sơn) số tiền là 203.000đ (*hai trăm lẻ ba ngàn đồng*)

- **Về án phí:** Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1, Mục I; tiểu mục 1.1, khoản 1, Mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo và người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt (gồm các ông, bà Lê Thị P, Lê Thị Hoàn, Trần Thị V, Trần Thị H, Trần Thị V, Mai Thị O, Phạm Xuân C, Nguyễn Thị Lan) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP, Tòa hình sự.

(đã ký)

Nguyễn Thị Chính